

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 17/4/2018

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Diêu Hoàng Tiếp**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Quone**
2. Ông **Trần Quốc Tuấn**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lâm Thành Tú**, Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham
gia phiên tòa: Ông **Thạch Tha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ
ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng
3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày
30/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Kim C**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Ông **Lâm Thanh S**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 2, thị trấn C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Thị Kim C trình bày:*

Bà và ông Lâm Thanh S chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng
ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Nguyên nhân
mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, vợ chồng sống
không hạnh phúc. Từ đó, bà và ông S không còn chung sống với nhau từ năm
2016 đến nay.

Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Lâm Trương V, sinh 24/11/2015 hiện nay do bà đang nuôi.

Nay bà Kim C yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: sau khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Kim C khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lâm Thanh S vắng mặt không có lý do, theo biên bản lấy lời khai bà Thạch Thị Quế P là mẹ ruột của S cho biết hiện nay S đang đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án ly hôn, bà nhận thay và có báo lại cho S biết, S có về nhà bà và nói là đi qua nhà của Kim C gặp Kim C nói chuyện, giữa S và vợ Kim C có mâu thuẫn gì thì bà không biết nhưng thấy vợ chồng S đã ly thân nhau, Kim C đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà Thạch Thị Quế P có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho S biết. Mặc dù ông S đã được Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè triệu tập hợp lệ đến Tòa án lần thứ hai mà ông vẫn vắng mặt cho thấy ông S không có ý thức tuân thủ pháp luật, nên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nên không thực hiện đúng quy định pháp luật.

+Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Kim C, cho bà Kim C ly hôn với ông S; về con chung đề nghị giao cho bà Kim C nuôi; về tài sản chung, về nợ chung không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Trương Thị Kim C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh giải quyết việc hôn nhân của bà và ông S địa chỉ: khóm 2, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè. Theo quy định tại Điều 28, Điều

35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Ông Lâm Thanh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử vắng mặt ông S.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Kim C và ông Lâm Thanh S xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi và hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Theo lời trình bày của bà Thạch Thị Quế P là mẹ ruột của S thì không biết S và Kim C mâu thuẫn thế nào nhưng hiện nay S bỏ đi làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án ly hôn, bà nhận thay và có báo lại cho S biết, S có về nhà bà và nói là đi qua nhà của Kim C gặp Kim C nói chuyện, Kim C đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, bà Thạch Thị Quế P có nhận thông báo thụ lý cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và có báo lại cho S biết, S có về nhà nhưng không đến Tòa án để tham gia giải quyết việc ly hôn với bà Kim C. Việc ông S cố tình không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà Kim C cho thấy ông không có thiện chí đoàn tụ lại với bà Kim C. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Kim C và ông S là có thật, hai người không còn chung sống với nhau nữa chứng minh cuộc sống vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên bà Kim C yêu cầu ly hôn với ông S là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về con chung: bà Kim C trình bày có 01 một chung con tên Lâm Trương V, sinh ngày 24/11/2015 hiện nay bà C đang nuôi, tại Tòa bà C yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề này thấy rằng: Xét yêu cầu nuôi con chung tên Lâm Trương V của bà Kim C là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...*” tính tới thời điểm xét xử cháu Việt chưa đủ 36 tháng tuổi đồng thời từ khi bà C và ông S ly thân nhau, bà C vẫn nuôi dưỡng cháu Việt rất tốt, bà C cũng không ngược đãi đánh đập gì con, để đảm bảo cuộc sống bình thường nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu Việt. Hội đồng xét xử nghĩ chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà C, giao cháu Việt cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và có cơ sở.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: bà C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147; Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Kim C;

Cho bà Trương Thị Kim C được ly hôn với ông Lâm Thanh S;

Về con chung: Giao con chung tên Lâm Trương V, sinh ngày 24/11/2015 hiện nay do bà Kim C đang nuôi cho bà Kim C tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng đương sự không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: bà Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: bà Kim C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà Kim C phải chịu nộp số tiền là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014944 ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà Kim C đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Lâm Thanh S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND TT C, h. Cầu Kè
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diêu Hoàng Tiếp